

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG NAM HẢI
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG NAM HẢI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NAM HAI ENVIRONMENT CONSTRUCTION INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: CTY CP ĐT XD MT NAM HẢI

2. Mã số doanh nghiệp: 1900672535

3. Ngày thành lập: 08/02/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

187 Nguyễn Văn Linh, Khóm 10, Phường 1, Thành phố Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu, Việt Nam

Điện thoại: 0917767189 - 0983222304

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Trồng cây hàng năm khác	0119
2.	Trồng cây ăn quả	0121
3.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
4.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
5.	Chăn nuôi khác Chi tiết: Nuôi và khai thác tổ chim yến	0149
6.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
7.	Khai thác gỗ	0220
8.	Khai thác thủy sản biển	0311
9.	Khai thác thủy sản nội địa	0312
10.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
11.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
12.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Chế biến tổ chim yến	1079
13.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
14.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
15.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
16.	Sản xuất điện	3511
17.	Truyền tải và phân phối điện	3512
18.	Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống	3520

19.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
20.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
21.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
22.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
23.	Thu gom rác thải độc hại	3812
24.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
25.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
26.	Tái chế phế liệu	3830
27.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
28.	Xây dựng nhà để ở	4101(Chính)
29.	Xây dựng nhà không để ở	4102
30.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
31.	Xây dựng công trình điện	4221
32.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
33.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
34.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
35.	Xây dựng công trình thủy	4291
36.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
37.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
38.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
39.	Phá dỡ	4311
40.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
41.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
42.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
43.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
44.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
45.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
46.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
47.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
48.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
49.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
50.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
51.	Bán mô tô, xe máy	4541
52.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
53.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
54.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620

55.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
56.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn và xuất nhập khẩu thủy sản, yến sào, các sản phẩm từ tổ yến và các thực phẩm khác	4632
57.	Bán buôn đồ uống	4633
58.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào	4634
59.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
60.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
61.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
62.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
63.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
64.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
65.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
66.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
67.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ yến sào và các sản phẩm từ tổ yến	4722
68.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
69.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
70.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
71.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
72.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
73.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
74.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	5011
75.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
76.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
77.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
78.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
79.	Cơ sở lưu trú khác	5590
80.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
81.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
82.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
83.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
84.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630

85.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Quản lý dự án; lập và thẩm định, thẩm tra dự án, báo cáo kinh tế kỹ thuật, báo cáo đánh giá tác động môi trường, lập quy hoạch; lập và thẩm tra phương án giải tỏa bồi hoàn tái định cư; lập và thẩm tra tổng dự toán và dự toán công trình; lập hồ sơ mời thầu và phân tích đánh giá hồ sơ dự thầu, thẩm tra kết quả lựa chọn nhà thầu; tư vấn định giá xây dựng; Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp; giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình giao thông; giám sát công trình thủy lợi, cấp thoát nước, hạ tầng kỹ thuật. Thiết kế công trình dân dụng, công nghiệp; thiết kế xây dựng công trình cầu đường; thiết kế công trình thủy lợi, cấp thoát nước, hạ tầng kỹ thuật; Khảo sát địa hình trong phạm vi dự án đầu tư xây dựng công trình.	7110
86.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn kỹ thuật công nghệ nuôi chim yến	7490
87.	Đại lý du lịch	7911
88.	Điều hành tua du lịch	7912
89.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
90.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
91.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
92.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
93.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)	9610
94.	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu	9631
95.	Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ	9632
96.	Hoạt động dịch vụ phục vụ hôn lễ	9633
97.	Doanh nghiệp cam kết không kinh doanh, bán buôn, bán lẻ máy móc, thiết bị, phụ tùng có liên quan đến trò chơi điện tử có thưởng, trò chơi máy bắn cá và các trò chơi tương tự, như: máy bắn thú, bắn chim,...	<i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i>

6. Vốn điều lệ: 90.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	TRẦN LIL	Áp Giồng Giữa B, Xã Vĩnh Trạch Đông, Thành phố Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	450.000	4.500.000.000	5,000	385082143	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	450.000	4.500.000.000	5,000		
2	NGUYỄN THẾ LÂM	204/C6, An Bình, Phường An Bình, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	900.000	9.000.000.000	10,000	272563633	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	900.000	9.000.000.000	10,000		

3	NGUYỄN VĂN CUỒNG	Tổ 20D, KP4, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	810.000	8.100.000.000	9,000	271893074
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	810.000	8.100.000.000	9,000	
4	ĐẶNG VĂN ANH	44 Tổ 35, KP9, Phường Tân Phong, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	4.590.000	45.900.000.000	51,000	271387556
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	4.590.000	45.900.000.000	51,000	
5	NGUYỄN HẠNH KIỂM	187 Nguyễn Văn Linh, Khóm 10, Phường 1, Thành phố Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	2.250.000	22.500.000.000	25,000	385343787
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	2.250.000	22.500.000.000	25,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

Thời gian đăng từ ngày 08/02/2021 đến ngày 10/03/2021

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: ĐẶNG VĂN ANH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 01/05/1970

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 271387556

Ngày cấp: 29/01/2019

Nơi cấp: Công an tỉnh Đồng Nai

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 44 Tổ 35, KP9, Phường Tân Phong, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: 187 Nguyễn Văn Linh, Khóm 10, Phường 1, Thành phố Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bạc Liêu